

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2019.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ong Thân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích.

Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐXX-ST ngày 28/10/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019 giữa các đương sự.

*** Nguyên đơn:** Chị Thân Thị L, sinh năm: 1987. (xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm 1, thôn Y, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm: 1983. (vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Xóm 5, thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Hiện nay đang ở nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai chị Thân Thị L là nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ vợ chồng: Trước khi kết hôn hai vợ chồng được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2011 tại UBND Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang nơi hai vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú. Sau khi kết chị về nhà anh T làm dâu ngay. Sau khi kết hôn khoảng 02 tháng anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận. Chị và anh T vẫn thường xuyên gọi điện hỏi thăm nhau. Tuy nhiên đầu năm 2012 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Chị và anh T đã nhiều lần gọi điện nói chuyện với nhau nhưng do không ai

chị nhường ai nên chị không về nhà anh T sống nữa. Sau khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ chăm sóc con cái nhưng không được. Kể từ đó hai vợ chồng không gọi điện nói chuyện hay hỏi thăm nhau nữa. Anh T gọi điện về chỉ hỏi thăm sức khỏe con. Chị có hỏi anh T địa chỉ chị đang ở tại Hàn Quốc nhưng anh T không nói. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Lm đơn xin ly hôn anh T. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/3/2012. Do anh T không ở Việt Nam nên không có điều kiện chăm sóc con. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giao con chung cho được nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Xuân T hiện đang lao động ở nước ngoài, không có địa chỉ cụ thể. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật đối với anh Nguyễn Xuân T. Tòa án đã xác minh thu thập chứng cứ thông qua thân nhân (bố đẻ) của anh T là ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1955, địa chỉ: thôn N, Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Ngày 26/8/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành lấy lời khai đối với bố đẻ anh T và được ông Nguyễn Văn S cho biết: Anh T đang lao động ở Hàn Quốc và thường xuyên liên lạc về gia đình. Do không liên quan nên không cung cấp địa chỉ của anh T cho Tòa án cũng không thực hiện yêu cầu của Tòa án về việc thông báo cho anh T gửi quan điểm, lời khai về việc chị Thân Thị L xin ly hôn.

- Về quan hệ vợ chồng: Anh T, chị L được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị L về nhà ông làm dâu ngay. Sau khi kết hôn khoảng 02 tháng anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau khi đi được một thời gian thì anh T và chị L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, chị L bỏ về nhà đẻ sinh sống từ năm 2012 đến nay. Sau khi hai bên gia đình biết chuyện có khuyên bảo hai vợ chồng về đoàn tụ chăm sóc con cái nhưng không được. Nay chị L xin ly hôn anh T ông không có ý kiến gì. Đó là việc riêng của anh T, chị L.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/3/2012. Hiện nay đang do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có ý kiến gì.

* Quá trình giải quyết, tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều vắng mặt. Chị Thân Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Nguyễn Xuân T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã công bố bản tự khai của chị L và các tài liệu đã thu thập được có trong hồ sơ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- + Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng dân sự là bị đơn đã không chấp hành đúng quy định.

+ Về nội dung: Áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 1, khoản 2, Điều 81; khoản 3, Điều 82; khoản 2, Điều 123; Điều 127- Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; Điều 37; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479- Bộ Luật tố tụng dân sự, xử: Về quan hệ hôn nhân: chị Thân Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/3/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị L không yêu cầu. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thân Thị L và anh Nguyễn Xuân T đều có hộ khẩu thường trú tại Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị L xin được ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh T nhưng hiện nay anh T đang lao động tại nước ngoài (theo gia đình cung cấp là ở Hàn Quốc). Căn cứ công văn số 12592/QLXNC –P5 ngày 05/8/2019 của Cục quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an thì anh T xuất cảnh ngày 23/7/2011 chưa thấy thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy HĐXX xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” có đương sự ở nước ngoài. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2, Điều 123- Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Thân Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị L.

Anh Nguyễn Xuân T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án tiến hành làm việc với bố đẻ anh T thì được biết: anh T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình, ông Nguyễn Văn Se sẽ nhận thay anh T các văn bản tố tụng và thông báo cho anh T biết về việc Tòa án yêu cầu anh cung cấp lời khai, địa chỉ hiện tại anh đang sinh sống tại Hàn Quốc cho Tòa án. Tuy nhiên Tòa án đã yêu cầu ông S đến lần thứ hai nhưng ông S vẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của anh T cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho anh T biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Vì vậy đây được coi là trường hợp anh T cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T theo thủ tục chung là đúng với công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1]. Chị Thân Thị L và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn ngày 27/5/2011 tại UBND Thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn không hòa giải được, chị L xin được ly hôn anh T. Theo lời khai của bố đẻ anh

T và chị L xác định được hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 nên vợ chồng không còn tình cảm. Anh T đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tổng đạt các giấy tờ hợp lệ nhưng vẫn không đến tham dự phiên tòa hoặc gửi văn bản, ý kiến cho Tòa án. Vì vậy cần xác định anh T đã từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong vụ án này.

[3.2]. Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy: Trong suốt thời gian anh Nguyễn Xuân T đi lao động, làm ăn ở nước ngoài cho đến nay thì vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, cả 2 bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhưng cả chị L và anh T đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng theo như các quy định đã nêu ở trên. Như vậy mâu thuẫn của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Thân Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

[4]. Về con chung:

[4.1]. Chị L, anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/3/2012. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng chị L. Ly hôn chị L yêu cầu được nuôi con chung avf không yêu cầu ánh Trường cấp dưỡng nuôi con.

[4.2]. HĐXX thấy: Cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Chị L hiện đang làm việc tại địa phương có yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T hiện đang đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Anh T đã từ bỏ quyền lợi của mình cũng như không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt bằng chị L. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi của con chung cần áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Thân Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Việt H. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Thân Thị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5]. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Thân Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Thân Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[7]. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479-Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 53; khoản 1, Điều 56; khoản 1, khoản 2, Điều 81; khoản 3, Điều 82; Điều 84; khoản 2, Điều 123; Điều 127-Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1, Điều 28; khoản 3, Điều 35; điểm c, khoản 1, Điều 37; Điều 38; khoản 4, Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và khoản 2, Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thân Thị L được ly hôn anh Nguyễn Xuân T.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Việt H, sinh ngày 21/3/2012 cho chị Thân Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Thân Thị L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trường hợp anh Nguyễn Xuân T về Việt Nam và có nguyện vọng nuôi con chung có thể làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về án phí: Chị Thân Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/001038 ngày 13/8/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Thân Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

- Chị Thân Thị L hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

- Anh Nguyễn Xuân T hiện đang cư trú tại nước ngoài, không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Hà Nội;
- Cổng thông tin điện tử;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND TT. N, huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Ong Thân Thắng